TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11**/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31/01/2024
"Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Như Quỳnh

2. Ông Nguyễn Văn Đạt

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kiên lương, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Thái Xuân Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 238/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc: "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đoàn Kim Th, sinh năm 1987, có đơn xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lê Quốc T, sinh năm 1986, có đơn xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 03, ấp H, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các biên bản làm việc tại tòa án nguyên đơn chị Đoàn Kim Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Quốc T tự nguyện sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 06/3/2012. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc nhưng kể từ khi chị Th sinh con đến nay được 12 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 05 năm trở lại đây, do bất đồng quan điểm sống trong cuộc sống dẫn đến hôn nhân không hòa hợp, thường

xuyên xảy ra cự cãi liên quan đến vấn đề tài chính gia đình, về kinh tế không quan tâm, thường xuyên rượu chè không về nhà, gây nhiều áp lực tinh thần cho chị, chị Th nhận thấy vợ chồng chung sống không hạnh phúc và hai vợ chồng đã sống ly thân hơn 04 tháng. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Quốc T.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Gia Bảo Tr, sinh ngày 06/11/2012, chị Th yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Lê Quốc T trình bày:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận về hôn nhân đúng như chị Th trình bày nhưng anh T không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Lê Gia Bảo Tr, sinh ngày 06/11/2012. Hỏi ý kiến của cháu Trân ở với ai người nào thì người đó nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Nếu cháu Tr muốn ở với mẹ thì anh không cấp dưỡng nuôi con mà anh sẽ tự cho con theo khả năng kinh tế của anh.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Kim Th và buộc anh Lê Quốc T ly hôn với chị Đoàn Kim Th; Giao cho chị Th được tiếp tục nuôi dưỡng con Lê Gia Bảo Tr, sinh ngày 06/11/2012 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu; Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu nên miễn xét và về nợ chung: không có, không yêu cầu xem xét nên miễn xét. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và các vấn đề khác theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Đoàn Kim Th, bị đơn anh Lê Quốc T có đơn xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật giải quyết: Bị đơn anh Lê Quốc T có nơi cư trú tại: tổ 03, ấp H, xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang. Đây là vụ kiện "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật: Chị Đoàn Kim Th và anh Lê Quốc T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Ngày 06/3/2012 chị Th, anh T đã được Ủy ban nhân dân xã Sơn Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07/2012, quyển số 01/2012. Do đó, hôn nhân của chị Th và anh T đã tuân thủ đúng quy định pháp luật về Luật hôn nhân và gia đình, do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

[4] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Th và anh T là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng anh chị Thờng xuyên xảy ra cự cãi liên quan đến vấn đề tài chính gia đình, về kinh tế anh T không quan tâm, anh T thường xuyên uống rượu không về nhà, gây nhiều áp lực tinh thần cho chị Th. Cuộc sống vợ chồng anh chị không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, chị Th xác nhận hôn nhân không còn hạnh phúc, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và đã sống ly thân hơn 04 tháng nay, chứng tỏ hôn nhân của chị Th, anh T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân của chị Th và anh T, tại biên bản xác minh thể hiện vợ chồng ông bà có mâu thuẫn với nhau, anh T là người thường xuyên uống rượu và chị Th đã thuê nhà trọ sống ly thân một mình, đồng thời chị Th cương quyết ly hôn với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị Th xin được ly hôn với anh T là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về con chung: Giữa chị Th và anh T chung sống với nhau có 01 người con chung tên Lê Gia Bảo Tr, sinh ngày 06/11/2012. Xét yêu cầu của chị Th xin được nuôi dưỡng con là có cơ sở chấp nhận. Bởi đây cũng là ý kiến của cháu Trân có nguyện vọng được sống với mẹ nếu như cha mẹ ly hôn, do hiện nay cháu đang ở với mẹ, hơn nữa anh T cũng có ý kiến hỏi cháu Tr ở với ai người nào thì người đó nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Tr cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, chị Th yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Kim Th.

Về hôn nhân: Buộc anh Lê Quốc T ly hôn với chị Đoàn Kim Th.

Về con chung: Giao con chung tên Lê Gia Bảo Tr, sinh ngày 06/11/2012 cho chị Đoàn Kim Th tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Đây cũng là nguyện vọng của cháu Tr xin được ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Th không yêu cầu.

Không ai được ngăn cản quyền thăm non, chăm sóc con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

2/ Áp dụng Điều 144, Điều 146 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Th phải nộp và được khấu trừ vào án phí tạm nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001796 ngày 19/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang (đã thực hiện xong).

3/ Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Chi cục THADS huyện Kiên Lương;
- Đương sự;
- Lưu tập án, Hồ sơ;
- Lưu VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Cao Thị Mai